TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Bản số: 30/2023/DSST
Ngày: 23-3-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: -Bà Phạm Thị Tuyết Mai;
-Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Trọng Khánh – Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Bà Võ Thị Thùy Diễm– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 221/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH M
Địa chỉ: Tầng 1-2 Tòa nhà P, số 5 đường D1, P., TP. Th, TP. Hồ Chí Minh;
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Huyền Tr – Giám đốc;
Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH MTV S do Trương Ngọc A – Giám đốc đại diện theo pháp luật, theo văn bản ủy quyền ngày 01-4-2022, có đơn xin xét xử vắng mặt;
Địa chỉ: 89 H, phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng;

Bị đơn: Lê Văn Th1, sinh năm 1984, vắng mặt;
Trú tại: Thôn X1, xã Ph2, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 5 năm 2022, Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn là ông Trương Ngọc A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày: Vào ngày 12-7-2019, ông Lê Văn Th1 có ký hợp đồng tín dụng số 20190713-6990205 với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V(nay là Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng VSMBC) (sau đây gọi tắt là VPB SMBC FC) để vay số tiền 26.875.000đ với lãi suất thỏa thuận 5,00%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Lê Văn Th1 có trách nhiệm thanh toán số tiền 40.486.397đ (bao gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 18 tháng; 17 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.298.905đ, tháng cuối cùng trả 1.405.012đ, bắt đầu từ ngày 05-8-2019. Thực hiện hợp đồng, ông Lê Văn Th1 đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán được 02 lần với tổng số tiền 4.630.000đ, bao gồm 2.375.627đ nợ gốc và 2.254.373đ nợ lãi. Kể từ ngày 07-10-2019 đến nay, ông Lê Văn Th1 không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Ngày 29-3-2021, khoản nợ nói trên đã được VPB SMBC FC chuyển nhượng cho Công ty TNHH M theo Hợp đồng Mua Bán Nợ số VPBFC-GALAXY-21-0003, ngày 29-03-2021. Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn Th1 trả một lần cho Công ty toàn bộ số tiền nợ 35.856.397đ bao gồm các khoản sau: Nợ gốc còn lại: 24.499.373đ và nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn (ngày 05-01-2021): 11.357.024đ. Công ty không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 06-01-2021 đến nay, ngoài ra, đại diện hợp pháp của Nguyên đơn không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn Lê Văn Th1 vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tống đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông Th1 vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc ông Th1 phải thanh toán cho Công ty TNHH M toàn bộ số tiền nợ 35.856.397đ bao gồm các khoản sau: Nợ gốc còn lại: 24.499.373đ và nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn (ngày 05-01-2021): 11.357.024đ, theo quy định tại Điều 463, 466, 468 BLDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, Bị đơn Lê Văn Th1 cư trú tại Thôn X1, xã Ph2, huyện T, tỉnh Bình Định nên căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định. Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của Nguyên đơn và Bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty TNHH M yêu cầu ông Lê Văn Th1 trả cho Công ty số tiền mà ông Th1 vay Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Vcòn nợ là 35.856.397đ, trong đó nợ gốc còn lại: 24.499.373đ và nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn là ngày 05-01-2021: 11.357.024đ. Hội đồng xét xử thấy rằng vào ngày 12-7-2019, bị đơn Lê Văn Th1 có ký Hợp đồng tín dụng số 20190713-6990205 với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Vđể vay 26.875.000đ, khi vay có hợp đồng vay, thỏa thuận lãi suất 60,00%/năm tương đương 5,00%/tháng, không thế chấp tài sản. Thời hạn vay được ấn định từ ngày 05-08-2019 đến ngày 05-01-2021. Đây là hợp đồng vay tài sản thuộc hợp đồng dân sự đúng theo quy định pháp luật do hai bên đương sự tự nguyện thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Th1 đã thanh toán 4.630.000đ, đến nay còn nợ 35.856.397đ. Ngày 29-3-2021, khoản nợ nói trên đã được Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Vbán cho Công ty TNHH M, giao dịch chuyển nhượng được xác lập bằng Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-GALAXY-21-0003 ngày 29-3-2021. Trong đó có biên bản xác nhận rằng khoản nợ của bị đơn Lê Văn Th1 đã được chuyển giao cho bên Galaxy. Nên nay Công ty TNHH M yêu cầu Tòa buộc ông Th1 trả một lần cho công ty toàn bộ số tiền nợ trên là có căn cứ theo khoản 2 Điều 221 BLDS. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu trên của Công ty TNHH M chỉ phù hợp phần đòi nợ gốc là 24.499.373. Bởi lẽ khi ông Th1 tự nguyện thanh toán số tiền 4.630.000đ trong đó có nợ gốc là 2.375.627đ, phần lãi ông Th1 đã trả 2.254.373đ. Phần lãi này là lãi suất cao nhưng ông Th1 đã tự nguyện thực hiện, mà quá trình Tòa án triệu tập ông Th1 không có yêu cầu tính lại lãi nên Tòa không xét phần lãi đã thực hiện. Riêng khoản tiền lãi 11.357.024đ tính theo hợp đồng vay là 60,00%/năm tương đương 5,00%/tháng là quá cao so với lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Theo đó, lãi suất tối đa là 20%/năm, tương đương với 1,66%/tháng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 486 BLDS và điểm b, khoản 2 Điều 8, Điều 9 Nghị Quyết 01/2019/HĐTP-TANDTC,

ngày 11-01-2019 Của Hội đồng Thẩm phán TANDTC "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm" thì mức lãi suất giữa hai bên thỏa thuận vượt quá 20%/năm so với Bộ luật dân sự, do đó Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi tối đa của Bộ luật dân sự là 20%/năm để tính từ ngày 08-10-2019 đến ngày 05-01-2021 là 01 năm 02 tháng 28 ngày thành tiền 24.499.373đ x 20%/năm x 01 năm 02 tháng 28 ngày = 6.027.516đ. Do đó buộc ông Th1 phải trả cho Công ty TNHH M là 30.526.889đ, bác phần lãi còn lại của Công ty yêu cầu.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn Th1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.526.000đ, buộc Công ty TNHH M phải chịu án phí đối với phần lãi bị bác là 300.000đ sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH M đã nộp 896.000đ được khấu trừ vào án phí nên hoàn lại cho Công ty TNHH M 596.000đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T chỉ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về phần đề nghị trả gốc, còn phần lãi không phù hợp nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: các Điều 26, 35, 39, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều khoản 2 Điều 221, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Tổ chức Tín dụng, điểm b khoản 2 Điều 8, Điều 9 Nghị Quyết 01/2019/HĐTP-TANDTC, ngày 11-01-2019 Của Hội đồng Thẩm phán TANDTC "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm", khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- Buộc ông Lê Văn Th1 phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH M số tiền 30.526.889đ(Ba mươi triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) trong đó gốc là 24.499.373đ và lãi là 6.027.516đ.
- Bác một phần yêu cầu tính lãi của Công ty TNHH M.

[2]. Về án phí DSST: Buộc ông Lê Văn Th1 phải chịu 1.526.000đ, buộc Công ty TNHH M phải chịu 300.000đ sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH M đã nộp 896.000đ cho theo biên lai thu tiền số 0006390 ngày 12-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào án phí nên hoàn lại cho Công ty TNHH M 596.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3]3 Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV -TAND tỉnh BĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy